

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu
Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKH ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 09/04/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và Dự toán kinh phí nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1518/TTr-STNMT ngày 16/4/2019 và Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 81/BCTĐ-STC-QLGCS ngày 06/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính như sau:

Tên gói thầu	Cơ quan thực hiện	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Gói thầu số 1: Lập hồ sơ mời thầu	Chi cục Biển và Hải đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	4.281.123	Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019 và bố trí dự toán năm 2020	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2019	Trọn gói (không điều chỉnh giá)	Tối đa không quá 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
Gói thầu số 2: Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Quảng Ngãi	Chi cục Biển và Hải đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	4.255.822.721 (chi tiết theo phụ lục đính kèm)	Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019 và bố trí dự toán năm 2020	Đấu thầu hạn chế	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2019	Trọn gói (không điều chỉnh giá)	Tối đa không quá 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
Tổng		4.260.103.844	(đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác liên quan)					

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Chi cục Biển và Hải đảo tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chi Cục trưởng Chi cục Biển và Hải đảo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NN), CBTH;
- Lưu: VT, pNNTNlesang105

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng
1	Xác định đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm		
1.1	<i>Đo đạc và thu thập số liệu mực nước để xác định các điểm đặc trưng mực nước biển thấp nhất</i>		
a)	<i>Đo mực nước bằng máy tự ghi (9 trạm tại 9 đảo)</i>		
+	Nội nghiệp (2 lần đo/ngày x 14 ngày x 9 trạm)	Lần đo	252
+	Ngoại nghiệp (2 mẫu số liệu/ngày x 14 ngày x 9 trạm)	Số liệu	252
+	Vé tàu, xe, máy bay SG-QN-SG	Vé	8
+	Thuê phòng ngủ (9 trạm x 14 ngày x 4 người khoán)	Ngày	504
+	Công tác phí (9 trạm x 14 ngày x 4 người)	Ngày	504
+	Thuê tàu ngoài biển (9 trạm x 14 ngày)	Ngày đêm	126
b)	<i>Thu thập số liệu mực nước 18 năm (trạm triều gần nhất)</i>	Năm	18
1.2	<i>Xác định trên bản đồ đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm</i>		
-	Thực hiện thống nhất dữ liệu địa hình đáy biển và dữ liệu địa hình trên đất liền và trên đảo trong một mảnh bản đồ (6 người x 30 ngày)	Công	180
-	Nội suy dữ liệu chi tiết (6 người x 20 ngày)	Công	120
-	Nhập dữ liệu cao độ địa hình trên đất liền, trên đảo và địa hình đáy biển, giá trị mực nước trung bình nhiều năm, mực triều thấp trung bình trong nhiều năm vào phần mềm GIS (6 người x 25 ngày)	Công	150
-	Xây dựng đường đồng mức địa hình chi tiết (6 người x 20 ngày)	Công	120

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng
-	Xác định đường đồng mức ứng với giá trị mực nước biển thấp nhất TBNN cho từng đoạn bờ đối với bờ biển thẳng và xác định vị trí giao cắt giữa đường thẳng đó với đường đồng mức có giá trị độ cao trùng với giá trị mực nước biển thấp nhất TBNN cho từng điểm đối với bờ biển uốn lượn (6 người x 15 ngày)	Công	90
-	Xác định đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm trên bản đồ bằng phương pháp nội suy tuyến tính (6 người x 20 ngày)	Công	120
-	Cập nhật đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm trên nền hải đồ điện tử	Công	100
1.3	<i>Xác định ngoài thực địa đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm</i>		
-	Thu thập thông tin về đường bờ tại khu vực cần xác định đường mép nước biển thấp nhất trung bình ngoài thực địa (6 người x 20 ngày)	Công	120
-	Lấy thông tin đường mực nước triều thấp trung bình trên bản đồ đã xây dựng và giá trị mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm của khu vực (6 người x 20 ngày)	Công	120
-	Nhận dạng kiểu đường bờ (6 người x 5 ngày)	Công	30
-	Xác định vị trí ứng với mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm		
	Vé tàu, xe, máy bay SG-QN-SG	Vé	12
	Công đi xác định ngoài thực địa (6 người x 30 ngày)	Công	180
	Thuê phòng nghỉ (30 đêm x 06 người khoán)	Ngày	180
	Phụ cấp lưu trú (6 người x 30 ngày)	Ngày/ người	180
	Thuê tàu đi xác định ngoài thực địa (30 ngày)	Ngày	30
-	Hiệu chỉnh lại vị trí vừa xác định trên bản đồ (6 người x 20 ngày)	Công	120
2	Lập bản đồ hải đảo		
a	Hòn Ông Rạng, diện tích khoảng 0,01 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	1

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng
b	Hòn Bàn Than, diện tích khoảng 45,23 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	2
c	Hòn Ông trước cửa Sa Cần, diện tích khoảng 1,82 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	1
d	Hòn Trà, diện tích khoảng 0,77 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	1
e	Hòn Bà, diện tích khoảng 2,21 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	1
f	Hòn Ông gần mũi Nam Châm, diện tích khoảng 2,35 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	1
g	Hòn Ao, diện tích khoảng 0,1 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	1
h	Hòn Chát diện tích khoảng 0,01 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	1
k	Hòn Khô, diện tích khoảng 0,01 ha, tỷ lệ bản đồ 1:1.000	Mảnh	1
l	Đảo Lớn (471,4ha; 4 mảnh bản đồ tỷ lệ 1:2.000 trừ phần diện tích đã lập bản đồ địa chính)	Mảnh	4
m	Đảo Bé (26,1ha 1 mảnh bản đồ tỷ lệ 1:1.000 trừ phần diện tích đã lập bản đồ địa chính)	Mảnh	1
n	Thành bản đồ địa hình đáy 3 bãi ngầm (Diện tích bãi ngầm Vonta khoảng 336,13 ha ; bãi ngầm Lý Sơn khoảng 1.284,02 ha ; bãi ngầm Nam Trâm khoảng 544,45 ha (1 mảnh)	Mảnh	1
e	Khai thác lớp bản đồ địa chính (đảo Lớn và đảo Bé)	Mảnh	2
3	Xây dựng phiếu trích yếu thông tin hải đảo và số điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên, môi trường hải đảo		
3.1	Xây dựng phiếu trích yếu thông tin hải đảo		
a	Thu thập; điều tra, khảo sát thực địa xác định vị trí, tọa độ, diện tích, điểm cao nhất, độ cao trung bình của hải đảo (4 người x 14 ngày)	Công	56

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng
b	Tham vấn nhà quản lý, cộng đồng về quá trình khai thác, sử dụng các dạng tài nguyên hải đảo		
+	Lập danh mục thông tin, mẫu phiếu điều tra	Phiếu	1
+	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin là tổ chức, doanh nghiệp	Người	20
+	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin là cá nhân	Người	80
+	Công điều tra tham vấn cộng đồng (4 người x 5 ngày)	Công	20
+	Photo phiếu điều tra	Tập	100
c	Xử lý số liệu (4 người x 2 ngày)	Công	8
d	Lập phiếu trích yếu thông tin (4 người x 4 ngày)	Công	16
3.2	<i>Xây dựng sổ kết quả điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên, môi trường hải đảo</i>		
a	Điều tra, thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên (khảo sát đặc điểm khí hậu, thủy văn, hải văn, địa hình, địa mạo thổ nhưỡng, đặc điểm địa chất, các trường vật lý) (4 người x 14 ngày)	Công	56
b	Điều tra, thu thập số liệu về đặc điểm kinh tế - xã hội (thu thập số liệu đối với đảo có dân sinh: đảo Lớn và đảo Bé) (4 người x 2 ngày)	Công	8
c	Thu thập thông tin, khảo sát đặc điểm tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên sinh vật, tài nguyên phi sinh vật, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và các loại tài nguyên khác (4 người x 28 ngày))	Công	112
d	Điều tra, đánh giá đặc điểm môi trường		
+	Thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng môi trường đất, nước, không khí, các nguồn thải, nguồn gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, tai biến thiên nhiên tại các hải đảo (4 người x 14 ngày)	Công	56
+	Thu mẫu, phân tích mẫu đất theo các thông số Cl-, Pb, Cd (2 mẫu/đảo x 14 đảo)	Mẫu	28

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng
+	Thu mẫu, phân tích mẫu không khí (các thông số TSP, Pb, CO, NO2, SO2, O3 (2 mẫu/đảo x 11 đảo) trừ 3 bãi ngầm)	Mẫu	22
+	Phân tích tiếng ồn (2 mẫu/đảo x 2 đảo có dân cư)	Mẫu	4
+	Thu mẫu, phân tích mẫu nước mặt các thông số nhiệt độ, pH, DO, TDS, TSS, EC, BOD5, COD, Coliform (2 mẫu/đảo x 1 hải đảo)	Mẫu	2
+	Thu mẫu, phân tích mẫu nước dưới đất pH, độ đục, độ cứng, các kim loại Fe, Cu, Zn, Cr, Mn, Coliform (2 mẫu/đảo x 1 hải đảo)	Mẫu	2
e	Xử lý số liệu (4 người x 4 ngày)	Công	16
f	Lập sổ kết quả điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên, môi trường hải đảo (4 người x 14 ngày)	Công	56
3.3	<i>Chi phí khác</i>		
-	Thuê xe từ TP.HCM đến TP. Quảng Ngãi và ngược lại	Lượt	2
-	Thuê xe đi khảo sát, thu thập số liệu (30km x 17 ngày)	Km	510
-	Vé tàu từ Sa Kỳ đến Lý Sơn và ngược lại (4 người x 2 vé)	Vé	8
-	Thuê tàu đi điều tra, khảo sát (60 ngày)	Ngày	60
-	Thuê phòng ngủ (4 người x 77 ngày khoán)	Người	308
-	Phụ cấp lưu trú (4 người x 77 ngày)	Ngày	308
4	Tổ chức hội thảo (3 hội thảo)	Hội thảo	3
5	In ấn hồ sơ		